

Bản án số: 14/2018/KDTM-ST
Ngày: 03/4/2018
V/v “tranh chấp hợp đồng gia công”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2/ Ông Nguyễn Văn Tiên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi, cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Quyên-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2017/TLST-KDTM ngày 06/10/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng gia công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Tổ hợp tác Sản xuất và Gia công chiếu thảm MT

Địa chỉ: xã LT, huyện CT, tỉnh Long An.

-Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1969

-Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N, sinh năm: 1942 (Theo giấy ủy quyền ngày 14/11/2017). (Có mặt)

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn V, sinh năm: 1976 (Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh).

(Có mặt)

+ **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH

Địa chỉ trụ sở chính: xã AP, huyện TA, tỉnh Bình Dương

Văn phòng đại diện: Khu phố 3, phường TX, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hữu H – giám đốc

-Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1981 (Theo giấy ủy quyền không số ngày 06/12/2017). (Có mặt)

+ Người làm chứng: Ông Hoàng Đức S, sinh năm: 1961
Địa chỉ: Khu phố 1, phường AP, thị xã TA, tỉnh Bình Dương
(Có yêu cầu xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 2/2009 đến tháng 8/2012, Tổ hợp tác Sản xuất và Gia công chiếu thảm MT (sau đây gọi tắt là tổ hợp tác) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH (sau đây gọi tắt là công ty) có ký kết nhiều hợp đồng kinh tế về gia công mặt hàng thủ công mỹ nghệ. Đến tháng 9/2012, hai bên ngưng giao dịch mua bán, khi đó tổng số tiền gia công mà công ty phải trả cho Tổ hợp tác là 11.895.605.300 đồng, công ty thanh toán được 10.050.808.430 đồng, còn nợ lại 1.844.796.870 đồng.

Tại đơn khởi yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH trả số tiền gốc là 1.844.796.870 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày xét xử là $1.844.796.870 \times 0,8125\% / \text{tháng} \times 66,5 \text{ tháng} = 996.765.000$ đồng, tổng số tiền yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH phải trả là 2.841.563.925 đồng.

* Trong đơn yêu cầu và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Công ty có ký kết hợp đồng kinh tế với Tổ hợp tác. Cách thức thực hiện hợp đồng như sau: sau khi ký hợp đồng thì công ty đặt cọc, rồi tổ hợp tác giao hàng. Trước khi chuyển tiền cho tổ hợp tác, công ty BH sẽ đối chiếu các số liệu trên hóa đơn, phiếu nhập kho và hợp đồng, nếu các số liệu khớp sẽ chuyển tiền. Do vậy sẽ có những hóa đơn không khớp và công ty sẽ không chuyển tiền. Có một số lần, ngay khi nhận hàng tại kho, công sẽ trả thêm tiền cho tổ hợp tác thông qua thủ kho hoặc giám đốc công ty, phía công ty có giữ biên nhận nhưng vào tháng 01/2012 kho hàng của công ty bị hỏa hoạn nên công ty không còn lưu giữ tài liệu nào trước giai đoạn tháng 01/2012. Tuy nhiên khi giao tiền tại kho cho tổ hợp tác, tổ hợp tác có ghi vào giấy nhập kho, do vậy đề nghị tổ hợp tác xuất trình các phiếu nhập kho có xác nhận của công ty. Công ty đã nhận 65 hóa đơn bán hàng mà nguyên đơn cung cấp nhưng công ty phải có trách nhiệm chuyển tiền cho 65 hóa đơn nói trên. Nếu nguyên đơn chứng minh được các phiếu nhập kho thì bị đơn sẽ trả tất cả các khoản tiền còn thiếu dựa trên phiếu nhập kho.

- Người làm chứng ông Hoàng Đức Siêu trình bày:

Khoảng từ năm 2009 ông làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH, công việc của ông là làm ở kho nhận hàng. Trong quá trình làm việc ở kho ông có nhận hàng từ Tổ hợp tác Sản xuất và Gia công chiếu thảm MT nhưng không có nhận bất cứ khoản tiền nào. Ông chỉ thực hiện việc nhận hàng kiểm tra số lượng hàng nếu đủ hàng thì ông ký xác nhận đã nhận đủ.

Quá trình giao nhận tiền của Tổ hợp tác Sản xuất và Gia công chiếu thảm MT và Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH ông không biết vì không nằm trong quyền hạn của ông. Trong quá trình làm việc có một số lần ở kho giữ lại phiếu giao hàng, theo ông được biết những phiếu đó công ty trả bằng tiền mặt nên giữ lại.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào 65 hóa đơn đã được bị đơn ghi vào sổ kế toán, nguyên đơn có đủ căn cứ để yêu cầu đòi tiền hàng còn thiếu và tiền lãi. Việc bị đơn cho rằng nguyên đơn yêu cầu số tiền không thống nhất là không đúng vì trong các lần làm việc, bà Thu điều xác định đây là công nợ không có chứng từ. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền mua hàng còn thiếu, tiền lãi chậm trả trong quan hệ mua bán hàng hóa trong kinh doanh nên đây là “Tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa”. Bị đơn là doanh nghiệp có văn phòng đại diện tại địa chỉ, Khu phố 3, phường TX, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và hợp đồng kinh tế được ký kết tại Quận 12 nên theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] *Về yêu cầu của các đương sự:*

Yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn thanh toán tiền hàng còn thiếu 1.844.796.870 đồng.

Các bên thừa nhận việc ký kết nhiều hợp đồng kinh tế từ tháng 2/2009 đến tháng 8/2012 là tự nguyện, do nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên giao dịch dân sự giữa hai bên phát sinh hiệu lực kể từ ngày ký kết.

Nguyên đơn xác định ngoài việc giao kết hợp đồng bằng văn bản, khi các bên đã quen thuộc trong mua bán và những lúc bên mua cần hàng gấp thì hai bên có giao kết hợp đồng bằng lời nói (qua điện thoại), đồng thời có những trường hợp

giao không đủ số lượng theo hợp đồng. Do vậy trong cùng một thời điểm, hàng hóa giao nhận gồm nhiều mã hàng của nhiều hợp đồng và mỗi lần giao hàng không đủ số lượng theo hợp đồng do hàng gấp, có hàng là giao; nên nguyên đơn không xuất mỗi hóa đơn bán hàng cho một hợp đồng. Bị đơn cho rằng không còn lưu giữ bất kỳ tài liệu nào của giai đoạn trước tháng 01/2012 nhưng xác định không có ký kết hợp đồng bằng lời nói. Do hai bên không còn tài liệu trực tiếp khi giao nhận hàng nên việc xác định số lượng hàng hóa giao nhận của hai bên cần xem xét các chứng cứ gián tiếp khác.

Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là 65 hóa đơn, 65 hóa đơn này hợp lệ thể hiện tại công văn số 412/CV-Ktr1 ngày 07/3/2014 của Chi cục Thuế huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Bị đơn cho rằng trước khi chuyển tiền cho nguyên đơn, bị đơn đối chiếu các số liệu trên hóa đơn, phiếu nhập kho và hợp đồng, nếu các số liệu khớp sẽ chuyển tiền, không khớp sẽ yêu cầu điều chỉnh nhưng bị đơn không chứng minh việc điều chỉnh như thế nào. Tất cả 65 hóa đơn đều được bị đơn ghi nhận trong sổ sách kế toán của công ty BH, nếu có hóa đơn ghi nhận không đúng với số lượng giao nhận hay có hàng hóa bị trả lại thì bị đơn phải chứng minh đã có xuất hóa đơn hàng hóa bị trả lại. Theo quy định tại Điều 21,25 Luật Kế toán, việc ghi nhận 65 hóa đơn vào sổ kế toán của bên mua hàng là ghi nhận công nợ phải trả, tuy nhiên bên mua hàng không chứng minh đã xử lý những hóa đơn do bên bán xuất không đúng như thế nào, điều này chứng tỏ bị đơn chấp nhận với số lượng hàng hóa ghi trong 65 hóa đơn. Bị đơn cho rằng hai bên đã xem xét công nợ vào ngày 21/8/2013, tuy nhiên biên bản này do bị đơn lập, có câu “toàn bộ các công nợ phát sinh không có chứng từ hợp lệ coi như thanh toán hết” và “thắc mắc công nợ sau này có chứng từ hợp lệ sẽ được giải quyết tại Tòa án”. Mặc khác biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Thạnh Lộc ngày 20/8/2013, 09/01/2014, bà Nguyễn Thị T đều xác định là “công nợ miêng”, từ đó xét thấy lời trình bày của bị đơn cho rằng nguyên đơn yêu cầu bắt nhất về công nợ là không hợp lý. Như vậy nguyên đơn đã chứng minh tổng số lượng hàng hóa mà nguyên đơn giao cho bị đơn từ tháng 2/2009 đến tháng 8/2012, tính theo 65 hóa đơn, trị giá 11.895.605.300 đồng.

Theo quy định tại Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005, bên mua phải có trách nhiệm trả tiền. Bị đơn cho rằng có một số hóa đơn đã thanh toán bằng tiền mặt nhưng nguyên đơn phủ nhận. Lời trình bày về việc thanh toán bằng tiền mặt của bị đơn cũng không thống nhất: tại bút lục số 292-293 thì bị đơn cho rằng do thanh toán hết cả đợt hàng vừa nhận nên bị đơn thu hồi luôn phiếu giao nhận hàng, trong biên bản hòa giải ngày 11/01/2018 thì xác định chỉ thanh toán một phần và có ghi nhận phía sau phiếu nhận hàng. Lời trình bày của người làm chứng Hoàng Đức Siêu, là thủ kho của công ty, cũng không phù hợp với lời khai của bị đơn về việc thủ kho thanh toán tiền hàng. Từ đó xét thấy bị đơn không có chứng cứ về việc giao trả tiền mặt ngoài những lần nguyên đơn xác nhận. Ngoài chứng từ chuyển khoản theo bảng sao kê do bị đơn cung cấp và sự thừa nhận của nguyên

đơn nhận tiền mặt ba lần thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bị đơn trả tiền cho nguyên đơn.

Bảng sao kê ngân hàng và 03 lần tiền mặt mà hai bên công nhận thể hiện tổng số tiền bị đơn đã giao là 10.050.808.430 đồng. Theo Khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn thanh toán tiền hàng còn thiếu 1.844.796.870 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Về yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền 1.844.796.870 đồng tính từ ngày 20/9/2012 đến ngày giải quyết:

Từ tháng 9/2012 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Tại thời điểm xét xử, mức lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) là 7.5%/năm, Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietinbank) là 10.5%/năm, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) là 10.5%/năm. Do đó, lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng này là $(7.5\%/năm + 10.5\%/năm + 10\%/năm) \times 150\%/3 = 14\%/năm$. Như vậy, mức lãi suất 9,75%/năm do nguyên đơn đưa ra là phù hợp nên chấp nhận để tính tiền lãi chậm trả.

Tiền lãi là: $1.844.796.870 \times 0,8125\% / \text{tháng} \times 66,5 \text{ tháng} = 996.765.000 \text{ đồng}$

Buộc bị đơn phải trả tiền mua hàng còn thiếu và tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn là $1.844.796.870 + 996.765.000 \text{ đồng} = 2.841.561.870 \text{ đồng}$.

[4] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền đồng, án phí là 88.831.237 đồng;

Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn (biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0034857 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12).

Bôûi caùc leõ treân ;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24, khoản 1 Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Án lệ số 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH phải trả cho Tổ hợp tác Sản xuất và Gia công chiếu thảm MT số tiền hàng còn thiếu là 1.844.796.870 (một tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi) đồng, và tiền lãi do chậm thanh toán là 996.765.000 (chín trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng, tổng cộng là 2.841.561.870 (hai tỷ tám trăm bốn mươi một triệu năm trăm sáu mươi một ngàn tám trăm bảy mươi) đồng .

Kể từ ngày 03 tháng 4 năm 2018 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH còn phải trả cho Tổ hợp tác Sản xuất và Gia công chiếu thảm MT tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH phải chịu án phí là 88.831.237 đồng (tám mươi tám triệu tám trăm ba mươi một ngàn hai trăm ba mươi bảy) đồng;

Hoàn trả tạm ứng án phí 46.957.668 đồng cho nguyên đơn (biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0034857 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Nga